

Số: 1174/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo
Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Ban Bí thư về lãnh đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, các thành viên Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, ĐP (5b). A. 325

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Sinh Hùng

QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1174/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Ban Chỉ đạo Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) được thành lập theo Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ làm Trưởng Ban chỉ đạo; Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo là Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; các Phó Trưởng ban khác và các thành viên là đại diện lãnh đạo một số Bộ, Ban, ngành Trung ương và thành phố Hà Nội.

2. Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ làm việc, phân công nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, chế độ họp, thông tin, báo cáo và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo.

3. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Ban Chỉ đạo được quy định tại Điều 1 Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc, chế độ làm việc

1. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, vừa đảm bảo phát huy vai trò tập thể của Ban Chỉ đạo, vừa đề cao trách nhiệm cá nhân của từng thành viên.

2. Trong phân công giải quyết công việc, mỗi việc (mảng công việc, khối công việc, nhóm công việc) được giao cho một cơ quan, đơn vị, một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính. Các thành viên Ban Chỉ đạo chủ động phối hợp thực hiện những công việc đã được phân công và có liên quan đến các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mà thành viên đó đại diện.

3. Các thành viên Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Chương II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

Điều 3. Nhiệm vụ của các thành viên Ban Chỉ đạo

Nhiệm vụ của Trưởng ban, Phó Trưởng ban Thường trực, các Phó Trưởng ban khác và các thành viên Ban Chỉ đạo được quy định tại Quyết định phân công nhiệm vụ của Trưởng Ban Chỉ đạo (có quyết định riêng).

Điều 4. Trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo

Các thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước Thủ trưởng cơ quan đơn vị chủ quản về những công việc được Trưởng Ban Chỉ đạo phân công, sử dụng nhân lực, phương tiện, trang thiết bị do đơn vị quản lý để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Nhiệm vụ cơ quan thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo

Ủy ban Dân tộc là cơ quan thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 4 Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương III

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC, CHẾ ĐỘ HỌP, THÔNG TIN, BÁO CÁO VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Mối quan hệ công tác

1. Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, toàn diện của Thủ tướng Chính phủ, trực tiếp là đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo. Trưởng Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của đơn vị mình trong giải quyết các công việc được Ban Chỉ đạo phân công.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác theo nhiệm vụ đã được phân công; cử các vụ, đơn vị chuyên môn thuộc Bộ, Ban, ngành mình tham gia các Tiểu ban của Đại hội; bố trí cán bộ giúp theo dõi công việc của mình theo nhiệm vụ được giao.

3. Mối quan hệ giữa Ban Chỉ đạo với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là mối quan hệ phối hợp, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao.

4. Mối quan hệ giữa Ban Chỉ đạo với các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể ở Trung ương là mối quan hệ phối hợp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan.

Điều 7. Chế độ họp Ban Chỉ đạo

1. Căn cứ vào ý kiến đề xuất của Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo hoặc các thành viên, Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định triệu tập họp Ban Chỉ đạo.

2. Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định nội dung, thành phần, thời gian họp; tùy theo nội dung họp, Trưởng Ban Chỉ đạo có thể yêu cầu lãnh đạo một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham dự.

Trường hợp không tổ chức được cuộc họp của Ban Chỉ đạo nhưng cần lấy ý kiến của các thành viên Ban Chỉ đạo về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định việc gửi lấy ý kiến các thành viên về vấn đề đó; các thành viên có trách nhiệm gửi ý kiến tham gia đầy đủ, kịp thời về Ủy ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

3. Ủy ban Dân tộc phối hợp với Văn phòng Chính phủ chuẩn bị tài liệu, giấy mời họp và gửi đến các thành viên, thời gian chậm nhất là 3 ngày trước ngày họp (trừ trường hợp đặc biệt); dự thảo các thông báo kết quả, kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; sao gửi hoặc ban hành các văn bản có liên quan cần thiết gửi cho các Thành viên và thông báo đến các cơ quan có thành viên và các cơ quan có liên quan để phối hợp thực hiện.

Điều 8. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ hàng tháng các thành viên báo cáo bằng văn bản về kết quả thực hiện nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo phân công gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp chung. Đối với các công việc phát sinh, đột xuất các thành viên chủ động báo cáo trực tiếp với Trưởng Ban Chỉ đạo để xin ý kiến xử lý.

2. Ủy ban Dân tộc giúp việc Ban Chỉ đạo; tổng hợp xây dựng báo cáo chung về tình hình thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo để báo cáo Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thẩm quyền của Đảng và Nhà nước theo yêu cầu.

Điều 9. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo do ngân sách trung ương bảo đảm, bố trí thành một mục riêng trong dự toán chi ngân sách năm 2009 và năm 2010 của Ủy ban Dân tộc. Việc thực hiện chi tiêu thực hiện theo đúng chế độ tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hay phát sinh vấn đề mới cần điều chỉnh cho phù hợp, cơ quan thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo tổng hợp, trình Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG


Nguyễn Sinh Hùng

www.LuatVietnam.vn